

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2018
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Phúc**

Bà **Trần Thị Thùy Trang**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐ-HPT ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố P, phường Ph, thị xã B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Lưu Duy T**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 06, tổ 34, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Lưu Duy T** chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không tin tưởng, anh T gia trưởng, nóng tính nên mỗi lần xảy ra mâu thuẫn anh T thường hay đánh chị H. Sự việc này, chị H có báo với chính quyền địa phương để can thiệp. Từ tháng 04/2018 cho đến nay, chị H và anh T sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị H xác định tình cảm mà chị H dành cho anh T đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị **Nguyễn Thị Thu H** đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh **Lưu Duy T**.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị Hương và anh T có 02 con chung tên: Lưu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2013 và Lưu Duy K, sinh ngày 20/3/2016. Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 16/7/2018, chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2018 và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lưu Duy T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lưu Duy T và chị Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau do nguyên nhân bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về kinh tế. Anh T thừa nhận có lúc do nóng tính nên có hành động đánh chị H nhưng sau đó lại bỏ quan cho nhau. Từ tháng 04/2018 cho đến nay, chị H đưa con đi nơi khác sinh sống, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay, anh T xác định tình cảm dành cho chị H vẫn còn nên trước yêu cầu ly hôn của chị H, anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Lưu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2013 và Lưu Duy K, sinh ngày 20/3/2016. Anh Trọng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lưu Duy T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

+ Về con chung: đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết do đương sự rút yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với anh Lưu duy T và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ngày 16/7/2018, chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu nuôi con

chung và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Lưu Duy T cư trú tại ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao, tổng đạt, niêm yết các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn là anh Lưu Duy T nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, cần áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Lưu Duy T.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lưu Duy T chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2014. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa hiểu nhau, chưa thực sự cảm thông chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về kinh tế dẫn đến không tôn trọng nhau và thường xuyên xảy ra tình trạng cãi nhau, từ cãi nhau dẫn đến không kìm chế được bản thân, anh T đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị H, làm tổn thương tình cảm và hạnh phúc vợ chồng. Xuất phát từ điều đó nên tình cảm vợ chồng chị H và anh T ngày một rạn nứt, từ chỗ ly thân dẫn đến ly hôn. Anh Trọng cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H, không muốn ly hôn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải, phân tích và tạo điều kiện về thời gian để cả hai cải thiện mối quan hệ vợ chồng nhưng hai người vẫn sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập anh T để hòa giải nhiều lần sau đó nhưng anh T cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ cùng chị H như lời anh T đã trình bày, hơn nữa tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị H xin được ly hôn với anh Lưu Duy T là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lưu Duy T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên là Lưu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2013 và Lưu Duy K, sinh ngày 20/3/2016. Trước đây chị H có yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, ngày 16/7/2018, chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con vì để tự thỏa thuận việc nuôi con, tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Xét yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu nuôi con của chị H.

[3] *Về tài sản chung và các vấn đề khác*: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lưu Duy T.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nuôi con chung do chị H tự nguyện rút yêu cầu.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024783, quyển số 000496 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Lập (cqĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

